

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/DS-ST
Ngày 31 - 3 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 447/2021/TLST- DS ngày 24 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Hồng D, sinh năm 1982 (có mặt).

Cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B (vắng mặt).

Cư trú: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 29/10/2021 cùng các văn bản kèm theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Hồng D trình bày: Vào ngày 20/5/2021 bà Nguyễn Thị B có hỏi vay của bà với số tiền là 20.000.000 đồng.

Quá trình vay tiền thì bà B có ký biên nhận nợ ngày 20/5/2021. Bà có yêu cầu bà B trả tiền nhiều lần nhưng bà B vẫn không thực hiện. Bà Phạm Hồng D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị B trả cho bà với số tiền nợ là 20.000.000 đồng, tại phiên tòa bà không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị B đúng quy định pháp luật. Nhưng bà Nguyễn Thị B vắng mặt và không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa bà Phạm Hồng D với bà Nguyễn Thị B được xác định là “Hợp đồng vay tài sản” là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bà Nguyễn Thị B có nơi cư trú tại huyện Phú Tân thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ được quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị B được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng bà Nguyễn Thị B không cung cấp chứng cứ và vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị B.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà Phạm Hồng D xác định giữa bà D và bà Nguyễn Thị B có thỏa thuận vay tiền cụ thể là vào ngày 20/5/2021 bà Nguyễn Thị B có hỏi vay của bà D với số tiền là 20.000.000 đồng. Quá trình vay tiền thì bà B có ký biên nhận nợ. Bà Nguyễn Thị B có vay tiền của bà Phạm Hồng D là thực tế xảy ra. Do bà B phải trả nợ nhưng không thực hiện. Phía bà D đã nhiều lần yêu cầu bà B thực hiện nhưng bà B vẫn không thanh toán cho bà D. Bà B có cung cấp một Biên nhận nợ lập ngày 20/5/2021 do bà B ký tên có nội dung về việc bà B có mượn tiền và nhận tiền đúng như bà D trình bày. Đối với bà Nguyễn Thị B không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện và chứng cứ do bà Phạm Hồng D cung cấp, bà Nguyễn Thị B cũng không có yêu cầu phản tố. Mặc khác, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà B nhưng bà B không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà D. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D về việc yêu cầu bà B trả số tiền 20.000.000 đồng. Từ đó buộc bà Nguyễn Thị B trả cho bà Phạm Hồng D tổng số tiền còn nợ là 20.000.000 đồng là có cơ sở. Tại phiên tòa bà Phạm Hồng D không yêu cầu tính lãi suất nên không đặt ra xem xét.

[3] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nay buộc bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26; 35; 39, 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Phạm Hồng D. Buộc bà Nguyễn Thị B trả cho bà Phạm Hồng D số tiền nợ là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Nguyễn Thị B phải chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Bà Phạm Hồng D đã nộp tạm ứng số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), tại biên lai thu tiền số 0017421 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay hoàn lại toàn bộ cho bà Phạm Hồng D.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bà Phạm Hồng D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Ngọc Trọng